

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2021/HS-PT

Ngày: 21 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn, ông Trần Duy Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 214/2021/TLPT-HS, ngày 29/7/2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*”, các bị cáo Phạm Sỹ Hồng P, Phạm Tuấn L về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2021/HS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N; Sinh ngày: 11/10/1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Nguyễn Xuân C, sinh năm 1963 và con bà Vũ Thị H, sinh năm: 1960; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Sỹ Hồng P; Sinh ngày: 18/3/1993; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm Sỹ C, sinh năm 1960 và con bà: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Tuấn L; Sinh ngày: 17/12/1993; tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm Tuấn Đ, sinh năm 1970 và con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết tại số nhà 45 đường X, phường L, thành phố B của chị Nguyễn Ngọc Hoàng T có nuôi nhiều mèo cảnh nên Nguyễn Thế Nh đã gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn N đi trộm cắp mèo thì N đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 24/11/2020, N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu xanh, biển số 51F-211.XX chở Nh đến trước số nhà 45 đường X, phường L, thành phố B. Thấy trong nhà đã tắt điện, xung quanh không có ai, Nh nói N ngồi trong xe cảnh giới còn Nh trèo qua hàng rào vào bên trong, đi ra phía sau nhà thì thấy có 01 cái lồng bằng kim loại, khung gỗ bên trong có nhốt khoảng 05 con mèo của chị T. Nh lén lút bắt trộm 01 con mèo, giống cái, loại mèo Anh lông dài lai loại mèo Ba Tư, lông màu trắng, khoảng 2,5 tuổi, trọng lượng 04 kg mang ra xe ô tô bỏ vào hàng ghế sau cho N giữ; rồi tiếp tục quay vào lại bên trong bắt trộm thêm 01 con mèo, giống đực, loại mèo Anh lông dài, lông màu trắng, khoảng 03 tuổi, trọng lượng 05 kg mang ra xe ô tô. Sau đó Nh cùng N đi về nhà Nh cất giấu 02 con mèo.

Đến sáng ngày 25/11/2020, Nh nhắn tin qua tài khoản Facebook nhờ Phạm Sỹ Hồng P bán giúp 02 con mèo, đồng thời gửi 01 đoạn video cùng hình ảnh của 02 con mèo cho P xem thì P đồng ý. Đến trưa cùng ngày, P thấy có người đăng trên Facebook với nội dung tìm 02 con mèo bị mất trộm vào ngày 24/11/2020, kèm theo hình ảnh và đoạn video ghi lại cảnh kẻ gian bắt trộm mèo, P thấy giống với 02 con mèo mà Nh nhờ bán giúp nên đã gửi bài đăng đó cho Nh xem, rồi hỏi Nh thì biết được 02 con mèo trên do Nh trộm cắp mà có nhưng P vẫn đồng ý bán giúp Nh. Sau đó, P liên hệ với Phạm Tuấn L để bán 02 con mèo thì L đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng, P thông báo cho Nh biết và Nh đồng ý. Đến chiều tối ngày 26/11/2020, N đi cùng Nh đến gặp P và L rồi bán 02 con mèo cho L với giá 2.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, do vợ L là chị Nguyễn Thị N đang mang thai, thấy lông mèo rụng nhiều và không đồng ý nuôi, nên L đăng bán lại trên trang web Chotot.com với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, chị N thấy có người đăng trên Facebook với nội dung tìm 02 con mèo bị mất trộm vào ngày 24/11/2020, kèm theo hình ảnh và đoạn video ghi lại cảnh kẻ gian bắt trộm mèo, giống với 02 con mèo mà L mua về nên nói với L. L liền nhắn tin qua tài khoản Zalo cho P để hỏi thì biết được 02 con mèo L đã mua là do người khác trộm cắp mà có, tuy nhiên L và P vẫn tiếp tục bàn bạc với nhau và đăng bán 02 con mèo trên mạng xã hội cho người khác. Lúc này chị T phát hiện L đăng bán 02 con mèo của mình bị mất trộm trên trang web Chotot.com nên đã tìm cách liên hệ để gặp L, đồng thời trình báo sự việc cho Công an phường K. Sau đó, Nh, Ng, P và L được Cơ quan Công an triệu tập lên làm việc và đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 con mèo, giống cái, loại mèo Anh lông dài lai loại mèo Ba Tư, lông màu trắng, khoảng 2,5 năm tuổi, trọng lượng 04 kg, đã trưởng thành (tài sản thu hồi được và còn sống) trị giá 2.500.000 đồng và 01 con mèo, giống đực, loại mèo Anh lông dài, lông màu trắng, khoảng 03 năm tuổi, trọng lượng 05 kg, đã trưởng thành (tài sản thu hồi được và còn sống) trị giá 2.800.000 đồng. Tổng trị giá 02 con mèo trên là 5.300.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2021/HS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Phạm Sỹ Hồng P và Phạm Tuấn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Sỹ Hồng P: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn L: 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt của bị cáo Nguyễn Thế Nh, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2021, các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Sỹ Hồng P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Phạm Tuấn L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội. Ngoài ra các bị cáo đề nghị định giá lại giá trị 02 con mèo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo bổ sung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và đồng ý với kết luận định giá.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Phạm Sỹ Hồng P, Phạm Tuấn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo N là thỏa đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Đối với bị cáo P và bị cáo L, tại phiên tòa phúc thẩm cung cấp thêm giấy

bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại chị Nguyễn Ngọc Hoàng T, bị cáo L thành khẩn khai báo nhận tội nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Sỹ Hồng P, Phạm Tuấn L. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Sỹ Hồng P 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm và bị cáo Phạm Tuấn L 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Sỹ Hồng P tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Riêng bị cáo Phạm Tuấn L, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai khi mua 02 con mèo của Nguyễn Thế Nh, bị cáo không biết tài sản do trộm cắp mà có, sau đó bị cáo đăng bán lại mèo và nói chuyện với P nhưng chỉ là nghi ngờ mèo trộm cắp chứ không biết chắc chắn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xác định tại thời điểm đăng bán 02 con mèo bị cáo đã biết chắc chắn là tài sản trộm cắp mà có. Lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và các bị cáo Phạm Sỹ Hồng P và Phạm Tuấn L về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội, bị cáo L không oan.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Bản án sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù đối với bị cáo N là có phần nghiêm khắc, 07 tháng tù đối với bị cáo L và 06 tháng tù đối với bị cáo P là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo L là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L; sau khi xét xử sơ thẩm người bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo, đây là tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng cho các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P và bị cáo L là chưa phù hợp, vì các bị cáo phạm tội thuộc Chương XXI về xâm phạm trật tự công cộng nên không có yếu tố định lượng thiệt hại, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Xét các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo N phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại vì tài sản đã được trả

lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N và bị cáo L, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo kèm thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích và nhận định trên, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và bị cáo L, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng trên.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Tuấn L, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Sỹ Hồng P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2021/HS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 08 (tám) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo **Phạm Sỹ Hồng P và Phạm Tuấn L** mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Sỹ Hồng P và Phạm Tuấn L cho Ủy ban nhân dân phường K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Sỹ Hồng P, Phạm Tuấn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- CC THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền

